

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79/2022/HS-ST**

Ngày: **23/9/2022**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L**

Thành phần HĐXX sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đào Thị Yến Nhi**

Các Hội Thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Quang**

2. Ông **Nguyễn Thanh Hoàng**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Bích Thảo** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở TAND thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự đã thụ lý số 59/2022/TLST-HS ngày 11/8/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2022/QĐXXST-HS ngày 31/8/2022 đối với các bị cáo:

1/ TRẦN THỊ H (tên gọi khác: **Út**), sinh năm: 1978 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 10, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Ấp Phước Tân, xã Phước Tĩnh, huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Làm lưới; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần L (chết) và bà Nguyễn Thị P (chết), Chồng: Ngô Đức K, sinh năm 1974, Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo bị bắt ngày 20/5/2022, hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã L (Có mặt).

2/ NGÔ ĐỨC K, sinh năm: 1974 tại Bình Thuận; Nơi cư trú: Khu phố 10, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Chỗ ở: Thôn Bình An 3, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận; Nghề nghiệp: Lao động biển; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Thành Tâm (chết) và bà Võ Thị L, sinh năm 1940, Vợ: Trần Thị H, sinh năm 1978; Có 03 con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2007. Tiền án, Tiền sự: Không

Bị cáo hiện tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân thị xã L (Có mặt).

* **Bị hại:** **Bùi Thị V**, sinh năm 1990 – Nơi cư trú: Khu phố 1, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà **Phạm Thị Bạch T**, sinh năm 1960. Nơi cư trú: Khu phố 3, phường Bình Tân, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

- Bà **Bùi Thị L**, sinh năm 1965. Nơi cư trú: Thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L, tỉnh Bình Thuận (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2018, vợ chồng Trần Thị H, Ngô Đức K đến thuê nhà đất thuộc thửa số 128f, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L của bà Bùi Thị C để ở, thời hạn thuê từ ngày 20/4/2018 đến ngày 20/4/2022 âm lịch, giá thuê là 600.000 đồng/tháng. Đến ngày 12/8/2021, bà Bùi Thị C chết, nhà đất trên do bà Huỳnh Thị Kim Th (con gái bà C) quản lý sử dụng nên vợ chồng H, K tiếp tục thực hiện hợp đồng thuê nhà đất trên với bà Th theo nội dung hợp đồng đã ký kết với bà C

Khoảng tháng 11/2018, do vay tiền nóng ngoài xã hội, không còn khả năng trả nợ nên Trần Thị H đã khởi xướng, chủ động bàn bạc với chồng là Ngô Đức K bán nhà, đất đang thuê ở để kiếm tiền trả nợ và trang trải cuộc sống nên K đồng ý. Khi nghe tin vợ chồng H, K bán nhà đất thì bà Phạm Thị Bạch T và bà Bùi Thị L (môi giới nhà, đất) đến xem nhà đất trên (bà L có ý định mua nhà đất giúp cho con là Bùi Thị V). Bà L yêu cầu H, K đưa giấy tờ hợp pháp đã xem thì vợ chồng H, K nói rằng nhà, đất trên chưa tách sổ được, chỉ có giấy viết tay để H tìm lại, bà L hỏi giá bán thì H nói giá 500.000.000 đồng, bớt 10.000.000 đồng, còn 490.000.000 đồng. Bà L dẫn bà Bùi Thị V xem nhà, đất thì bà V đồng ý mua nhà và đất kể trên với giá 490.000.000 (Bốn trăm chín mươi triệu) đồng, bà V đưa tiền để bà L thay mình đứng ra giao dịch với vợ chồng H, K.

Sau khi bà L và bà T đi về, H tự viết 01 giấy tay mua, bán đất có nội dung “tôi tên Lê Thị Tư, sinh năm 1969, ở thôn Bình An 1, tôi có bán cho em Ngô Đức K và Trần Thị Út một lô đất ngang 10 m, dài 30m, trên lô đất có 01 ngôi nhà nhỏ bình th ngang 4m với số tiền 140 triệu vào ngày 12/4/2018”, H tự ký vào vị trí người bán còn K ký vào vị trí người mua trên giấy viết tay này, mục đích là để đưa cho bà L để bà L tin tưởng vợ chồng H, K có quyền bán đất và nhà ở kể trên. Sau khi xem tờ giấy tay, bà L, bà T tin rằng nhà, đất này của chồng H, K và đồng ý mua nhà đất trên giùm cho bà V theo giá 490.000.000 đồng mà các bên đưa ra trước đó, bên mua đặt cọc trước số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 190.000.000 đồng sẽ đưa sau. Ngày 27/12/2021, bà L tiếp tục mang số tiền 190.000.000 đồng (tiền bà V đưa) để thanh toán cho vợ chồng H, K. Sau khi nhận đủ tiền bán nhà, đất, vợ chồng H, K dẫn theo các con bỏ trốn khỏi địa pH. Đến ngày 20/5/2022, Trần Thị H bị cơ quan CSĐT công an thị xã L bắt giữ. Ngày 24/5/2022, Ngô Đức K đến cơ quan điều tra đầu thú. Trong quá trình lần trốn, Trần Thị H và Ngô Đức K đã sử dụng tiền chiếm đoạt được của bà V để mua ghe máy, ngư lưới cụ đi biển hết 280.000.000 đồng và chi tiêu gia đình.

Đối với bà Bùi Thị V, sau khi mua nhà đất từ vợ chồng H, K, bà V đến dọn dẹp nhà ở thì bà Huỳnh Thị Kim Th đến ngăn cản. Lúc này, bà V phát hiện đã

bị vợ chồng H, K chiếm đoạt số tiền 490.000.000 đồng nên trình báo công an thị xã L.

Về nguồn gốc nhà đất quá trình điều tra xác định: Nhà đất nêu trên là 01 phần trong diện tích đất 1425 m² thuộc thửa đất số 128f, tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại thôn Bình An 2, xã Tân Bình, thị xã L, đất đã được cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng số AH 351367 mang tên bà Nguyễn Thị T. Bà T đã chuyển nhượng toàn bộ thửa đất nêu trên cho bà Bùi Thị C vào ngày 22/10/2015. Quá trình sử dụng, bà C chuyển nhượng 01 phần thửa đất với diện tích ngang (10 x 27) cho ông Nguyễn Dương Tr, ông Nguyễn Dương Tr sang lại cho bà Nguyễn Thị Bích L, bà L xây nhà trên đất và tiếp tục sang nhượng lại cho bà Bùi Thị C, việc sang nhượng từ bà Chi đến bà C đều được thực hiện bằng giấy tay. Sau khi bà C chết, nhà đất trên do bà Huỳnh Thị Kim Th (con bà C) quản lý, sử dụng.

Vật chứng vụ án: Gồm có 01 ghe máy không số hiệu, kích thước (9.5 x 2.9)m; 30 tấm lưới đánh cá; 01 bình ắc quy 120AP, quá trình điều tra, bị hại bà V và vợ chồng H, K đã tự thỏa thuận bồi thường dân sự xong nên Cơ quan điều tra đã trả lại các tài sản trên cho Ngô Đức K.

Đối với 01 xe mô tô BKS: 86B6-398.60 thu giữ khi bắt giữ Trần Thị H, hiện Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Trần Thanh D.

Về dân sự: Quá trình điều tra, bị hại và các bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong về phần dân sự, bị hại bà Bùi Thị V không yêu cầu xem xét vấn đề dân sự trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số 70/CT-VKSLG-HS ngày 09/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L đã truy tố bị cáo Trần Thị H và Ngô Đức K đều về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 BLHS;

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L giữ quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Trần Thị H, Ngô Đức K, rút tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS; và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Thị H, Ngô Đức K đều phạm tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H, mức án từ 05 - 06 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

Đề nghị áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Xử phạt: Bị cáo Ngô Đức K, mức án từ 04 năm – 04 năm 06 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”

* Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong, đề nghị không xem xét.

* Về dân sự: Quá trình điều tra đã giải quyết xong, đề nghị không xem xét.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận tội như cáo trạng truy tố và thống nhất với các điều khoản mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã L viện dẫn trong cáo trạng. Các bị cáo không có ý kiến tranh luận, lời nói sau cùng, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan công an thị xã L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng, không có người nào có ý kiến, hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về thời gian, địa điểm xảy ra vụ việc, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, đủ căn cứ khẳng định: Xuất phát từ động cơ vụ lợi, muốn có tiền chi trả các khoản nợ bên ngoài và tiêu xài cá nhân, nên vào khoảng tháng 11/2018, bị cáo Trần Thị H đã khởi xướng, chủ động bàn bạc với chồng là bị cáo Ngô Đức K bán nhà, đất mà các bị cáo đang thuê ở của bà Bùi Thị C (cụ thể là 01 ngôi nhà xây ngang 04 m. dài 15 m gắn liền với diện tích đất 1425 m² thuộc thửa số 128f, tờ bản đồ số 20, đất tọa lạc tại thôn Bình An 1, xã Tân Bình, thị xã L) thì được bị cáo K đồng ý. Do đó, khi bà Bùi Thị L và bà Phạm Thị Bạch T (người môi giới mua giúp nhà đất cho bị hại Bùi Thị V) đến xem nhà đất và thống nhất giá mà các bị cáo đưa ra là 490.000.000 đồng. Bà L yêu cầu các bị cáo H, K đưa giấy tờ hợp pháp của tài sản để xem thì vợ chồng H, K nói rằng nhà, đất trên chưa tách sổ được, chỉ có giấy viết tay. Đồng thời, để tạo lòng tin cho người mua, bị cáo Trần Thị H đã tự tạo ra 01 giấy viết tay có nội dung “*tôi tên Lê Thị Tư, sinh năm 1969, ở thôn Bình An 1, tôi có bán cho em Ngô Đức K và Trần Thị Út một lô đất ngang 10 m, dài 30m, trên lô đất có 01 ngôi nhà nhỏ bình th ngang 4m với số tiền 140 triệu vào ngày 12/4/2018*”, bị cáo H tự ký vào vị trí người bán còn bị cáo K ký vào vị trí người mua trên giấy viết tay này, mục đích là để đưa cho bà L để bà L tin tưởng vợ chồng H, K có quyền bán đất và nhà ở kể trên. Sau khi xem tờ giấy tay, bà L, bà T tin rằng nhà, đất này của vợ chồng bị cáo H, K và đồng ý mua nhà đất trên giùm cho bà V theo giá 490.000.000 đồng mà các bên đưa ra trước đó, các bên thỏa thuận, bên mua đặt cọc trước số tiền 300.000.000 đồng, số tiền còn lại 190.000.000 đồng sẽ đưa hết vào ngày 27/12/2021. Sau khi nhận đủ tiền bán nhà, đất, vợ chồng H, K bỏ trốn khỏi địa phương.

Hành vi ngụy tạo giấy tay, tung ra thông tin gian dối về quyền đối với tài sản để bị hại tin tưởng, đồng ý nhận chuyển nhượng nhà đất mà các bị cáo đang quản lý và tự nguyện chuyển giao số tiền 490.000.000 đồng, sau đó chiếm đoạt số tiền trên của các bị cáo Trần Thị H, Ngô Đức K đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã L truy tố bị cáo Trần Thị H và bị cáo Ngô Đức K về tội danh, điều luật áp dụng nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất, mức độ, vai trò của từng đồng phạm trong vụ án:

Đây là vụ án đồng phạm với tính chất giản đơn, xuất phát từ mối quan hệ, tình nghĩa vợ chồng, các bị cáo thống nhất với nhau về việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhưng giữa các bị cáo không có sự phân công, tổ chức thực hiện tội phạm. Quá trình thực hiện hành vi phạm tội đều diễn biến tự nhiên, tức thời mang tính chất ứng phó. Tuy nhiên, đánh giá về vai trò đồng phạm trong vụ án cho thấy bị cáo Trần Thị H là người khởi xướng, rủ rê bị cáo Ngô Đức K, đồng thời bị cáo H cũng là người tự tạo ra giấy viết tay giả giữa bà Lê Thị Tư và vợ chồng bị cáo liên quan đến nhà, đất được sử dụng để lừa đảo, ký tên vào vị trí người bán, nhằm làm bị hại tin tưởng vào việc các bên mua, bán nhà, đất chân chính và tự nguyện giao tài sản cho các bị cáo. Đối với bị cáo Ngô Đức K, tuy không phải người khởi xướng nhưng sau khi được rủ rê, bị cáo thống nhất ý kiến với bị cáo H về việc bán tài sản không thuộc sở hữu của mình, góp phần tạo ra giấy viết tay giả, nhận tiền bán nhà đất của bị hại và cùng bị cáo H tiêu xài số tiền chiếm đoạt được. Trong vụ án này, bị cáo H vừa là người khởi xướng đồng thời là người thực hành tội phạm tích cực; bị cáo K là người thực hành tội phạm tích cực, vai trò, tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo H cao hơn nên bị cáo H phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có sức khỏe, nghề nghiệp, các bị cáo nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng với bản tính tham lam, mong muốn có tiền tiêu xài nhanh chóng mà không phải lao động vất vả, nặng nhọc, nên các bị cáo Trần Thị H, Ngô Đức K đã nảy sinh ý định kiếm tiền bất chính bằng cách thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do vậy, cần xử lý thật nghiêm khắc, phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi, tính chất, mức độ phạm tội mà bị cáo gây ra, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để răn đe giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung cho xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L rút lại tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 BLHS đối với các bị cáo Trần Thị H, Ngô Đức K, Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù số tiền 490.000.000 đồng các bị cáo chiếm đoạt, được bị hại đưa làm 02 lần, tuy nhiên, các bị cáo sử dụng giấy tay giả 01 lần, bị hại nhìn thấy giấy tay giả mà bị cáo đưa thì tin tưởng giấy tay này là thật, tin tưởng việc các bị cáo có quyền chuyển nhượng nhà, đất đang ở, đồng ý mức giá chuyển nhượng 490.000.000 đồng và tự nguyện giao tiền cho các bị cáo, việc đưa tiền hai lần chỉ là cách thức các bên thỏa thuận thanh toán, hoàn thành giao dịch chuyển nhượng. Do vậy, các bị cáo chỉ thực hiện hành vi phạm tội 01 lần, việc đại diện Viện kiểm sát rút lại tình tiết tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” là phù hợp với tính chất vụ án, phù hợp với diễn biến hành vi phạm tội, có lợi cho các bị cáo, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, nhân thân tốt, phạm tội trong thời điểm khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh covid, nhất thời phạm tội; bị cáo K ra đầu thú; Trong quá trình giải quyết tuy các bị cáo chỉ bồi thường được 01 phần tài sản

chiếm đoạt cho bị hại nhưng đã thỏa thuận xong cách thức bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

Xét thấy, các bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân tốt, các bị cáo trong vụ án là vợ chồng, nhất thời phạm tội, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, quyết định hình phạt đối với các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra đã giải quyết xong, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về phần dân sự: Quá trình điều tra, giữa các bị cáo và bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cũng như cách thức bồi thường, khắc phục hậu quả. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại đơn xin xét xử vắng mặt, bị hại không yêu cầu giải quyết vấn đề dân sự trong vụ án, do vậy, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí, các bị cáo phải nộp án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản Điều 51, Điều 17, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị H (Út) phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị H (Út) **06 (sáu) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 20/5/2022.

2. Căn cứ Điểm a khoản 3 Điều 174; Điểm b, điểm s khoản 1, khoản Điều 51, Điều 17, Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Tuyên bố bị cáo Ngô Đức K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Ngô Đức K **04 (Bốn) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn phạt tù tính từ bắt thi hành án.

3. Căn cứ Khoản 2 Điều 135; Khoản 2 Điều 136 Bộ luật hình sự; Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Thị H, bị cáo Ngô Đức K mỗi người phải nộp **200.000** (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn **15** (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ tại địa pH.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án

được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- C tỉnh Bình Thuận;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L ;
- Công an thị xã L;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND địa pH nơi BC cư trú.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đào Thị Yến Nhi